TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 3 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đặng Văn T**.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị G**.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 18-12-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày:

Ông Đặng Văn T và bà Bùi Thị G là vợ chồng với nhau từ năm 1978 đến năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn. Do phát sinh mâu thuẫn nên ông T ra ở riêng. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà G.

Ông T với bà G có 04 con chung là: Đặng Văn T1, sinh năm 1984; Đặng Thiên R, sinh năm 1986; Đặng Thanh Đ, sinh năm 1988; Đặng Thị Thiên N, sinh

năm 1991, đều đã lập gia đình riêng, nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Bà Bùi Thị G đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và G triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng bà G đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn bà Bùi Thị G chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên toà: Nguyên đơn là ông Đặng Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Bùi Thị G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978 đến năm 2006 nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn; theo xác nhận ngày 18-12-2024 của Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện X thì ông Đặng Văn T

với bà Bùi Thị G không có đăng ký kết hôn; theo bản khai nhân khẩu ngày 12-7-2004 đứng tên Bùi Thị G và bản khai nhân khẩu ngày 18-6-1998 đứng tên Đặng Văn T do Đội CSQLHC về TTXH Công an huyện Mỹ Xuyên cung cấp thì bà G, ông T có các con gồm: Đặng Văn T1, sinh năm 1984; Đặng Thiên R (Đặng Thị Thiên C), sinh năm 1986; Đặng Thanh Đ, sinh năm 1988; Đặng Thiên N (Đặng Thị Thiên N), sinh năm 1991, như vậy con chung của ông, bà lớn nhất là anh Đặng Văn T1, sinh năm 1984. Do đó, có cơ sở xác định ông T với bà G không đăng ký kết hôn là đúng sự thật và ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng trước năm 1986.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Ông, bà đã chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình và có con chung. Căn cứ vào quy định này thì tuy ông, bà chưa đăng ký kết hôn nhưng đương nhiên được công nhận là vợ chồng trên thực tế.

Tòa án đã thông báo và triệu tập ông T và bà G tham gia hòa giải, nhưng bà G đều vắng mặt; ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng ông, bà không còn chung sống với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T với bà G không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, ông T với bà G có các con chung là: Đặng Văn T1, sinh năm 1984; Đặng Thiên R (Đặng Thị Thiên C), sinh năm 1986; Đặng Thanh Đ, sinh năm 1988; Đặng Thiên N (Đặng Thị Thiên N), sinh năm 1991, theo ông T trình bày thì các con chung đều đã lập gia đình riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm nên không nộp tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Đặng Văn T được ly hôn với bị đơn bà Bùi Thị G.

1.2. Về con chung tên: Đặng Văn T1, sinh năm 1984; Đặng Thiên R (Đặng Thị Thiên C), sinh năm 1986; Đặng Thanh Đ, sinh năm 1988; Đặng Thiên N (Đặng Thị Thiên N), sinh năm 1991, đều trưởng thành; các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh